

Bản án số: 05/2021/HN&GD - ST
Ngày: 25/02/2021
Về việc tranh chấp:
“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 329/2020/TLST – HN&GD ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX - ST ngày 15/01/2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 03 ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Toàn Thị B , sinh năm 1989**

ĐKHKT: xóm Hợp Thịnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: **Anh Trần Đức T , sinh năm 1985**

ĐKHKT: xóm Hợp Thịnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
(Có mặt các bên đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/11/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Toàn Thị B trình bày:

Chị và anh T kết hôn năm 2013, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Thành, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống đã không có hạnh phúc và thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về ăn ở và cách nuôi dạy con cái. Nguyên nhân chủ yếu vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng mà cách dạy con hay cho con học ông bà can thiệp vào cuộc sống riêng của vợ chồng. Nhiều lần chị đề nghị vợ chồng ra ở riêng để cuộc sống tự do thoải mái nhưng anh T không chấp nhận. Mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng hơn đến nay cả hai không tìm được tiếng nói chung. Hiện chị đã

thuê nhà ra ngoài ở trọ, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: cháu Trần Bình M , sinh ngày 30/5/2014; Trần Minh Q , sinh ngày 07/12/2016. Nay ly hôn, chị đề nghị giải quyết mỗi người nuôi một con chung, không đặt ra việc cấp dưỡng, việc nuôi con chung theo sự phân chia của Tòa án, giao chị cháu nào chị sẽ có trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh Trần Đức T trình bày: Anh và chị B kết hôn năm 2013, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Thành. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn. Năm 2019 chị B xin ý kiến ra ngoài ở riêng cho thoải mái nhưng anh không đồng ý, từ việc đó mà tình cảm vợ chồng sút mẻ, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 10/2020, chị B tự ý bỏ nhà thuê nhà ra ngoài ở trọ, anh cũng không có ý kiến. Chị B có đơn ly hôn do các con còn nhỏ nên trong quá trình hoà giải anh vẫn mong muốn chị B quay về đoàn tụ, anh không muốn gia đình ly tán sẽ khổ các con. Tại phiên toà hôm nay do chị B cương quyết đề nghị ly hôn nên anh đồng ý, đề nghị Tòa án ghi nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: cháu Trần Bình M , sinh ngày 30/5/2014; Trần Minh Q , sinh ngày 07/12/2016. Nay ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ngày hôm nay, chị Toàn Thị B vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đức T. Tại phiên toà cả hai đều xác định tình cảm không còn. Do vậy, cần giải quyết việc ly hôn cho chị Bình với anh Toàn.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56 Luật HN&GD: Cho chị Toàn Thị Bình được ly hôn anh Trần Đức Toàn.

+ *Về con chung:* Áp dụng Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung thứ hai cháu Trần Minh Q , sinh ngày 07/12/2016 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành; giao

con chung Trần Bình M h, sinh ngày 30/5/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên. Đôi bên có quyền thăm và chăm sóc các con chung, không ai có quyền ngăn cản.

+ *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.*

+ *Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị Toàn Thị Bình phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.*

+ *Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Toàn Thị B khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn anh Trần Đức T , cả hai có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm Hợp Thịnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Toàn thị B và anh Trần Đức T tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Thành, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên), được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị B về gia đình anh T làm dâu, chung sống cùng với gia đình nhà chồng, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu cả hai không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm với bố mẹ chồng về cách nuôi dạy con chung, trong khoảng thời gian chung sống chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở do vợ chồng mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh, chị đoàn tụ nuôi hai con trưởng thành. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Bình vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn, anh Toàn cũng nhất trí ly hôn điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh T phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân & gia đình.

[3]Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị B , anh T có 02 con chung: cháu Trần Bình M , sinh ngày 30/5/2014; Trần Minh Q , sinh ngày 07/12/2016. Cả chị B và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung,

HĐXX thấy quyền chăm sóc giáo dục con chung là trách nhiệm của cả bố và mẹ, việc anh T đề nghị nuôi cả hai con chung trong khi chị B có công việc và mức lương ổn định. Theo xác nhận của Trung tâm y tế thị xã Phổ Yên nơi chị B công tác thì chị B có mức lương trung bình hàng tháng là trên 7.000.000đ, đồng thời theo xác nhận của lãnh đạo Trung tâm y tế thị xã Phổ Yên: chị B làm việc hành chính tại Khoa y tế cộng đồng, làm công tác dự phòng nên không phải trực đêm, còn anh T Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ về xác nhận thu nhập nhưng không cung cấp được nên việc đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con không được chấp nhận. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của các con cũng như quyền được nuôi dưỡng và chăm sóc các con của cả chị B và anh T nên cần thiết giao mỗi người nuôi một con chung, do cháu thứ hai còn nhỏ đang học mẫu giáo nên giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung thứ nhất cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi cả hai có thay đổi việc nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên, đôi bên có quyền thăm và chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị B, anh Toàn xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Toàn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 và 131, Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Toàn Thị B với anh Trần Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Toàn Thị B với anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung thứ hai: Trần Minh Q, sinh ngày 07/12/2016, cho chị Toàn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác; giao con chung thứ nhất: cháu Trần Bình M, sinh ngày

30/5/2014 cho anh Trần Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên. Đôi bên có quyền thăm và chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí: Chị Toàn Thị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị B được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0005024 ngày 23/11/2020.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị B, anh T tại phiên tòa. Báo cho biết chị B và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Trung Thành (nơi ĐKKH)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

